



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 1256/GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579 ngày 7 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 23 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 7 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2017 đến ngày 31/5/2017)
Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Thành viên (đến ngày 31/5/2017)
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2017)
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5/6/2017)

**Trụ sở đăng ký** 152 Thụy Khuê  
Quận Tây Hồ, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**HIPT**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN

Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Trong các năm trước, Công ty và một số cá nhân đã thỏa thuận hợp tác và góp vốn để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án “Xây dựng Trung tâm giao dịch điện tử và phần mềm Hà Nội – Hanesco và khu nhà thấp tầng cho thuê” tại địa chỉ của Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Theo thỏa thuận này, Công ty và các cá nhân có quyền đầu tư, khai thác từng phần đất nhất định trong lô đất tại địa chỉ nói trên. Các cá nhân đã hoàn thành việc đóng góp trong các năm trước và Công ty cũng đã sử dụng số tiền đóng góp này để hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án. Do đó, Công ty đã ghi nhận giá trị xây dựng tòa nhà Hanesco bao gồm cả phần vốn góp của các cá nhân là tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại, đồng thời ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời gian tương ứng. Trong năm 2016, Công ty nhận được Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cho phép Công ty sử dụng diện tích đất tại khu nhà thấp tầng số 152 Thụy Khuê để thực hiện dự án nhà ở thấp tầng để bán. Trên cơ sở Quyết định này, Công ty đánh giá lại giao dịch hợp tác góp vốn với các cá nhân và cho rằng đây là giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản, và do đó Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của giao dịch này tương ứng là số vốn góp nhận trước còn lại của các cá nhân và giá trị còn lại của khu nhà ở trong tài sản cố định hữu hình tương ứng với phần chuyển nhượng.

Tuy nhiên, tại ngày báo cáo, Công ty và các cá nhân trên chưa ký kết một thỏa thuận nào về việc sửa đổi nội dung hợp tác trước đây hay chuyển nhượng quyền sở hữu khu nhà ở. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi, việc Công ty ghi nhận giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản trong năm 2016 là chưa đủ cơ sở. Nếu Công ty tiếp tục ghi nhận toàn bộ giá trị tòa nhà là tài sản cố định và trích khấu hao, và ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ, một số khoản mục của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ sẽ thay đổi như sau:

- Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 22.101.384.047 VND và 6.344.818.662 VND;
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.410.792.513 VND và 16.759.726.682 VND;
- Doanh thu và giá vốn hàng bán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 641.269.324 VND và 606.325.990 VND;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng 34.943.334 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.



## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-190-SX/R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

19/08/2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>542.436.961.854</b>	<b>488.652.891.839</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>97.437.972.080</b>	<b>127.604.970.487</b>
Tiền	111		8.437.972.080	27.604.970.487
Các khoản tương đương tiền	112		89.000.000.000	100.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>142.100.000</b>	<b>142.100.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	142.100.000	142.100.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>280.082.813.733</b>	<b>242.510.916.437</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	115.635.265.507	94.137.305.156
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.205.188.145	13.783.203.172
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	11	93.972.687.694	97.036.890.477
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	1.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	57.616.009.546	39.890.559.895
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(4.346.337.159)	(4.337.042.263)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>90.628.632.894</b>	<b>46.369.018.598</b>
Hàng tồn kho	141		91.042.063.505	46.782.449.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(413.430.611)	(413.430.611)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74.145.443.147</b>	<b>72.025.886.317</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.132.899.622	25.886.317
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.543.525	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	16	72.000.000.000	72.000.000.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>96.860.694.635</b>	<b>99.391.815.283</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>248.023.000</b>	<b>300.304.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		248.023.000	300.304.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.177.495.449</b>	<b>16.113.859.080</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	12.836.210.387	13.431.750.936
Nguyên giá	222		41.400.366.343	41.073.666.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.564.155.956)	(27.641.915.407)
Tài sản cố định vô hình	227	18	2.341.285.062	2.682.108.144
Nguyên giá	228		6.897.414.903	6.897.414.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.556.129.841)	(4.215.306.759)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>321.300.000</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	321.300.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9(b)</b>	<b>80.945.123.772</b>	<b>81.750.617.502</b>
Đầu tư vào công ty con	251		84.993.570.000	84.993.570.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		23.000.000.000	23.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.764.044.944	6.764.044.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.812.491.172)	(33.006.997.442)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>490.052.414</b>	<b>905.734.701</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		490.052.414	472.585.854
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	-	433.148.847
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>639.297.656.489</b>	<b>588.044.707.122</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>305.513.420.934</b>	<b>257.918.515.356</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>303.721.788.458</b>	<b>255.454.789.407</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	81.260.468.867	45.670.079.361
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.566.649.630	66.265.095.490
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	294.099.948	5.409.138.419
Phải trả người lao động	314		84.000.000	4.214.893.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	41.502.400	1.178.739.400
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	297.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	82.686.929.224	82.663.985.737
Vay ngắn hạn	320	25	71.490.280.389	49.790.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.791.632.476</b>	<b>2.463.725.949</b>
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	900.332.622	838.492.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	160.572.001	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	730.727.853	1.625.233.949
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>333.784.235.555</b>	<b>330.126.191.766</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>333.784.235.555</b>	<b>330.126.191.766</b>
Vốn cổ phần	411	28	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415	28	(58.025.509.272)	(58.025.509.272)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.352.983.843	6.694.940.054
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.694.940.054	1.677.958.691
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		3.658.043.789	5.016.981.363
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>639.297.656.489</b>	<b>588.044.707.122</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yến  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

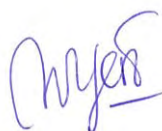
**Mẫu B 02a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>181.212.164.013</b>	<b>131.206.051.136</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>32</b>	<b>154.302.206.334</b>	<b>114.101.234.569</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>26.909.957.679</b>	<b>17.104.816.567</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	3.885.736.336	4.169.290.668
Chi phí tài chính	22	34	1.735.462.801	1.590.983.135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		919.608.200	1.426.059.984
Chi phí bán hàng	25	35	10.823.580.159	11.815.492.674
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	14.488.670.968	14.574.810.920
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.747.980.087</b>	<b>(6.707.179.494)</b>
<b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>				
Thu nhập khác	31	37	824.149.035	1.805.522.173
Chi phí khác	32		7.530.393	416.719.699
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>816.618.642</b>	<b>1.388.802.474</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.564.598.729</b>	<b>(5.318.377.020)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>39</b>	<b>312.834.092</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>39</b>	<b>593.720.848</b>	<b>206.561.806</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3.658.043.789</b>	<b>(5.524.938.826)</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng



Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.564.598.729</b>	<b>(5.318.377.020)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		1.263.063.631	2.139.511.283
Các khoản dự phòng	03		(79.717.470)	1.372.529.624
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.141.384.847)	(408.655.205)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.297.352.043)	(2.849.314.160)
Chi phí lãi vay	06		919.608.200	1.426.059.984
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.228.816.200</b>	<b>(3.638.245.494)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(39.453.961.812)	21.521.333.814
Biến động hàng tồn kho	10		(43.938.314.296)	13.766.646.615
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		27.418.863.418	(29.335.452.170)
Biến động chi phí trả trước	12		(17.466.560)	131.423.996
			<b>(52.762.063.050)</b>	<b>2.445.706.761</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(829.172.110)	(516.427.483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.257.186.350)	(6.952.443.523)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(54.848.421.510)</b>	<b>(5.023.164.245)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(326.700.000)	(308.938.468)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(592.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.297.352.043	2.849.314.160
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.970.652.043</b>	<b>1.948.275.692</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		32.340.632.127	10.674.245.400
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.640.351.738)	(13.534.406.600)
Tiền trả cổ tức	36		-	(12.889.881.850)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>21.700.280.389</b>	<b>(15.750.043.050)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(30.177.489.078)</b>	<b>(18.824.931.603)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		127.604.970.487	129.718.518.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.490.671	3.242.176
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>97.437.972.080</b>	<b>110.896.829.353</b>

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Hải Yến  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởngVõ Văn Mai  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con cấp 1 và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		30/6/2017	1/1/2017
<b>Công ty con cấp 1</b>			
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
<b>Công ty liên doanh</b>			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

Ngoài các công ty con cấp 1 trên, Công ty còn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao, một công ty con cấp 2 có 55% vốn sở hữu thuộc về Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT, một công ty con cấp 1 của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 138 nhân viên (1/1/2017: 152 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

**(h) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang**

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

**(iii) *Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) *Thu nhập từ cổ tức***

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và các công ty liên kết của Công ty.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	143.754.788	110.206.456
Tiền gửi ngân hàng	8.294.217.292	27.494.764.031
Các khoản tương đương tiền	89.000.000.000	100.000.000.000
	97.437.972.080	127.604.970.487

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,8% (2016: 5,4% đến 6,0%) một năm.

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Giá gốc và giá trị hợp lý</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	142.100.000	142.100.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,9% đến 6,7% (2016: 5,9% đến 6,7%) một năm.

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Giá gốc VND	30/6/2017 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	1/1/2017 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>						
▪ Công ty con						
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	10.000.000.000	(2.795.607.990)	7.204.392.010	10.000.000.000	(2.906.464.094)	7.093.535.906
- Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(1.089.641.183)	910.358.817
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-	2.293.570.000	(2.293.570.000)	-
- Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn	10.700.000.000	(4.800.581.045)	5.899.418.955	10.700.000.000	(4.794.590.028)	5.905.409.972
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-
	<b>84.993.570.000</b>	<b>(21.889.759.035)</b>	<b>63.103.810.965</b>	<b>84.993.570.000</b>	<b>(21.084.265.305)</b>	<b>63.909.304.695</b>
▪ Công ty liên kết						
- Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757	2.500.000.000	(820.856.243)	1.679.143.757
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
- Công ty TNHH Giải pháp HPMC	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000
▪ Công ty liên doanh						
- Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635	2.000.000.000	(1.203.411.365)	796.588.635
	<b>23.000.000.000</b>	<b>(7.724.267.608)</b>	<b>15.275.732.392</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>(7.724.267.608)</b>	<b>15.275.732.392</b>
▪ Đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	(4.198.464.529)	2.565.580.415	6.764.044.944	(4.198.464.529)	2.565.580.415
	<b>114.757.614.944</b>	<b>(33.812.491.172)</b>	<b>80.945.123.772</b>	<b>114.757.614.944</b>	<b>(33.006.997.442)</b>	<b>81.750.617.502</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nina International	15.160.860.196	26.655.617.980
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	58.388.000.000	6.318.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị truyền thông	4.408.852.900	9.208.852.900
Các khách hàng khác	37.677.552.411	51.954.434.276
	<hr/> 115.635.265.507	<hr/> 94.137.305.156

**11. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu kỳ	97.036.890.477	75.219.108.693
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong kỳ	14.859.782.217	34.924.997.193
	<hr/> 111.896.672.694	<hr/> 110.144.105.886
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ		
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(17.923.985.000)	(13.107.215.409)
	<hr/> 93.972.687.694	<hr/> 97.036.890.477

**12. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản cho một thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời là cổ đông của Công ty vay với lãi suất là 15% một năm. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này đã được hoàn trả.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản phải thu khác từ các công ty liên quan	4.105.690.598	4.906.728.536
▪ Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	3.036.408.607	3.036.408.607
▪ Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	1.067.281.991	1.093.549.491
▪ Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	-	774.770.438
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao	2.000.000	2.000.000
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.334.847.400	3.597.233.236
Tạm ứng cho nhân viên (*)	48.718.063.994	30.939.265.044
Ký cược, ký quỹ	108.706.000	115.514.000
Phải thu khác	348.701.554	331.819.079
	<hr/>	<hr/>
	57.616.009.546	39.890.559.895

(\*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Công ty và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 12.021 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2017: 13.288 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

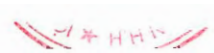
**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT	Trên 3 năm	3.036.408.607	(3.036.408.607)	-	Trên 3 năm	3.036.408.607	(3.036.408.607)	-
Khác	Trên 3 năm	1.318.734.145	(1.309.928.552)	8.805.593	Trên 3 năm	1.318.734.145	(1.300.633.656)	18.100.489
		<u>4.355.142.752</u>	<u>(4.346.337.159)</u>	<u>8.805.593</u>		<u>4.355.142.752</u>	<u>(4.337.042.263)</u>	<u>18.100.489</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>(4.346.337.159)</u>	<u>(4.337.042.263)</u>
-----------------------------------------	------------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	490.579.650	-	10.696.076.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.788.040.813	-	12.527.688.869	-
Hàng hóa	24.449.822.518	(413.430.611)	23.245.063.536	(413.430.611)
Hàng gửi đi bán	313.620.524	-	313.620.524	-
	<b>91.042.063.505</b>	<b>(413.430.611)</b>	<b>46.782.449.209</b>	<b>(413.430.611)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 632 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 632 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**16. Tài sản ngắn hạn khác**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ VND nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 24(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.195.741.872	41.073.666.343
Tăng trong kỳ	-	-	-	326.700.000	326.700.000
Số dư cuối kỳ	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.522.441.872	41.400.366.343
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	7.040.153.406	4.216.156.471	176.000.454	16.209.605.076	27.641.915.407
Khấu hao trong kỳ	418.316.489	26.666.664	53.016.930	424.240.466	922.240.549
Số dư cuối kỳ	7.458.469.895	4.242.823.135	229.017.384	16.633.845.542	28.564.155.956
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	11.707.967.343	65.376.342	672.270.455	986.136.796	13.431.750.936
Số dư cuối kỳ	11.289.650.854	38.709.678	619.253.525	888.596.330	12.836.210.387

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 14.760 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 14.760 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.926.442.619	2.970.972.284	6.897.414.903
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.884.692.461	2.330.614.298	4.215.306.759
Khấu hao trong kỳ	78.528.852	262.294.230	340.823.082
Số dư cuối kỳ	1.963.221.313	2.592.908.528	4.556.129.841
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	2.041.750.158	640.357.986	2.682.108.144
Số dư cuối kỳ	1.963.221.306	378.063.756	2.341.285.062

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	Thuế suất	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	-	433.148.847
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	160.572.001	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
SmarDTV S.A	44.481.002.821	-
Vizrt (ThaiLand), Ltd.	13.990.589.088	-
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	-	10.696.076.280
Công ty Cổ phần công nghệ Bằng Hữu	-	4.415.136.440
Công ty TNHH Thương mại Trần Đức	-	3.732.377.933
Các nhà cung cấp khác	22.788.876.958	26.826.488.708
	81.260.468.867	45.670.079.361

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty con		
▪ Công ty CP Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	22.000.000	22.000.000
	22.000.000	22.000.000

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Emerson Network Power (Singapore) Pte., Ltd	77.718.564	-
Các nhà cung cấp khác	159.808.976	197.661.976
	332.527.540	292.661.976

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.164.592.832	26.233.726.098	(30.398.318.930)	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.666.627	251.545.333	(252.309.033)	902.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.135.297.561	312.834.092	(1.257.186.350)	190.945.303
Thuế thu nhập cá nhân	107.581.399	1.645.363.195	(1.650.692.876)	102.251.718
Các loại thuế khác	-	58.751.907	(58.751.907)	-
	5.409.138.419	28.502.220.625	(33.617.259.096)	294.099.948

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	41.502.400	1.178.739.400

**23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm nhận trước	297.858.000	262.858.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Công ty con</b></i>		
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT	90.436.090	-
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	5.142.011.119	5.142.011.119
<i><b>Bên thứ ba</b></i>		
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 16)		
	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Phải trả cổ tức	301.659.975	301.659.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.496.541.140	2.564.033.743
	<b>82.686.929.224</b>	<b>82.663.985.737</b>

(\*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - để cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

Khoản phải trả khác đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	338.492.000	338.492.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	561.840.622	500.000.000
	<b>900.332.622</b>	<b>838.492.000</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vay ngắn hạn**

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	49.790.000.000	32.340.632.127	(10.640.351.738)	71.490.280.389

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT – công ty con	VND	0% - 5%	49.790.000.000	49.790.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	VND	7,3% - 8,0%	21.700.280.389	-
			71.490.280.389	49.790.000.000

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo, khoản vay từ công ty con phải trả khi được yêu cầu.

**26. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Bảo hành Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	1.625.233.949
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(518.936.836)
Hoàn nhập dự phòng	(375.569.260)
Số dư cuối kỳ	730.727.853



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.391.275.032)	19.628.990.984	14.699.516.891	379.265.002.843
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(5.524.938.826)	(5.524.938.826)
Cổ tức	-	-	-	-	(13.021.558.200)	(13.021.558.200)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>225.590.300.000</b>	<b>136.237.470.000</b>	<b>(16.391.275.032)</b>	<b>19.628.990.984</b>	<b>(3.846.980.135)</b>	<b>360.718.505.817</b>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	6.694.940.054	330.126.191.766
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.658.043.789	3.658.043.789
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>225.590.300.000</b>	<b>136.237.470.000</b>	<b>(58.025.509.272)</b>	<b>19.628.990.984</b>	<b>10.352.983.843</b>	<b>333.784.235.555</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.559.030	225.590.300.000	22.559.030	225.590.300.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000	22.559.030	225.590.300.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(2.903.843)	(58.025.509.272)	(2.903.843)	(58.025.509.272)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	19.655.187	167.564.790.728	19.655.187	167.564.790.728

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**29. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	163.645	3.714.735.865	1.152	26.178.043
EUR	665	17.226.724	522.945	12.473.274.122
		3.731.962.589		12.499.452.165

**(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	221.736.000
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2016	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2015	761.676.218	761.676.218
			22.210.799.561	22.210.799.561

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Bán hàng	139.387.472.123	94.028.909.761
Cung cấp dịch vụ	40.086.487.857	35.662.255.496
Cho thuê	1.738.204.033	1.514.885.879
	181.212.164.013	131.206.051.136

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Hàng hoá đã bán	123.323.084.183	84.902.795.364
Dịch vụ đã cung ứng	30.975.862.334	28.592.113.207
Cho thuê	3.259.817	606.325.998
	<hr/>	<hr/>
	154.302.206.334	114.101.234.569
	<hr/>	<hr/>

**33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	875.017.736	2.849.314.160
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.422.334.307	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	446.999.446	911.321.303
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.141.384.847	408.655.205
	<hr/>	<hr/>
	3.885.736.336	4.169.290.668
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	919.608.200	1.426.059.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.348.469	161.518.450
Dự phòng tổn thất đầu tư	805.493.730	-
Chi phí tài chính khác	12.402	3.404.701
	<hr/>	<hr/>
	1.735.462.801	1.590.983.135
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.236.849.137	7.169.418.623
Chi phí dự phòng bảo hành	-	837.266.244
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(375.569.260)	-
Chi phí bán hàng khác	3.962.300.282	3.808.807.807
	<hr/>	<hr/>
	10.823.580.159	11.815.492.674
	<hr/>	<hr/>

**36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.399.266.507	7.473.868.589
Chi phí khấu hao	1.189.699.100	1.473.978.959
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.294.896	535.263.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.890.410.465	5.091.699.992
	<hr/>	<hr/>
	14.488.670.968	14.574.810.920
	<hr/>	<hr/>

**37. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giảm giá từ nhà cung cấp	820.487.205	1.796.394.456
Các khoản khác	3.661.830	9.127.717
	<hr/>	<hr/>
	824.149.035	1.805.522.173
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	154.589.028.478	113.652.329.012
Chi phí nhân viên	15.636.115.644	13.744.439.532
Chi phí khấu hao	1.263.063.631	2.139.511.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.739.250.515	4.891.667.557
Chi phí khác	4.386.999.193	5.698.134.247

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	312.834.092	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	593.720.848	206.561.806
Chi phí thuế thu nhập	906.554.940	206.561.806

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.564.598.729	(5.318.377.020)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	912.919.746	(1.063.675.404)
Chi phí không được khấu trừ thuế	278.102.055	266.007.736
Thu nhập không bị tính thuế	(284.466.861)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	1.004.229.474
Chi phí thuế thu nhập	906.554.940	206.561.806

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Các công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT</i>		
Chi phí lãi vay	820.206.528	909.632.501
Bán hàng hóa và dịch vụ	200.000.000	-
<i>Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.477.951.771	1.615.135.314
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	1.422.334.307	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.603.405.814	12.919.006.168
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	1.339.000.000	2.198.500.000



Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Hải Yên  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng



Võ Văn Mai  
 Tổng Giám đốc